TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LÊ CHÂN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

Bà Hà Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Trần Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Lê Chân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận Lê Chân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị L; cư trú tại: Số 59/185 T.L, phường K.D, Quận L.C, thành phố H.P; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Mai Trọng H; đăng ký thường trú tại: Số 2 dãy A6 tập thể C.V.M, Quận N.Q, thành phố H.P; chỗ ở: Số 172/19/46 L.T, phường H.K, Quận L.C, thành phố H.P; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Đàm Thị L trình bày:

Chị Đàm Thị L và anh Mai Trọng H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2007, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V.M, Quận N,Q, thành phố H.P ngày 19/3/2009. Đến nay có hai con chung.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H mắc nghiện ma túy, không quan tâm trách nhiệm với gia đình, vợ con. Hiện nay anh H đang điều trị uống Methadone tại Cơ sở điều trị Methadone Quận Ngô Quyền Hải Phòng. Từ năm 2017 đến nay chị Lđã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm trách nhiệm với ai nữa. Đến nay chị xác định đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mai Trọng H.

Về con chung: Chị L và anh H có hai con chung là Mai Thị Minh A, sinh ngày 06/5/200A và Mai Phú V, sinh ngày 23/02/201B. Hiện nay cả hai con đều đang sống với chị. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cả hai con đến khi con thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Mai Trọng H vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và nơi ở của anh H cho thấy: Cuộc sống chung giữa chị L và anh H nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H nghiện ma túy từ nhiều năm nay. Từ năm 2017 đến nay chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ cùng với hai con, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai về mọi mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh Hưng đều vắng mặt và không đưa ra quan điểm gì về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục về pháp luật tố tụng tại phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng các quy định về tố tụng, bị đơn không chấp hành các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Chị L và anh H kết hôn từ năm 2007 và thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V.M, Quận N.Q, thành phố Hải Phòng ngày 19/3/2009 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống do anh H mắc nghiện ma túy là tệ nạn xã hội nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị L được ly hôn anh Hư theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh H có hai con chung là Mai Thị Minh A, sinh ngày 06/5/200A và Mai Phú V, sinh ngày 23/02/201B. Hiện cả hai cháu đều đang sống với mẹ. Trong đơn trình bày nguyện vọng, cháu Minh A đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu được sống với mẹ. Anh H vắng mặt trong quá trình tố tụng, không đưa ra quan điểm nào trong việc nuôi con. Do vậy, ly hôn cần giao con chung cho chị L là mẹ trực tiếp nuôi con là phù hợp quy định tại các điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị L không yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung: Chị L không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Đàm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận xét:

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự ; theo đơn khởi kiện và biên bản xác minh tại nơi cư trú thể hiện: Anh Mai Trọng H đăng ký thường trú tại: Số 2 dãy A6 tập thể C.V.M, Quận N.Q, thành phố H.P; chỗ ở hiện tại là: Số 172/19/46 L.T, phường H.K, Quận L.C, thành phố . Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn chị Đàm Thị L và anh Mai Trọng H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh Mai Trọng H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Bởi vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Mai Trọng Hưng.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị L và anh Mai Trọng H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V.M, Quận N.Q thành phố Hải Phòng vào năm 2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống: Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H nghiện ma túy. Mặc dù gia đình đã tạo điều kiện cho anh H cai nghiện uống Methadone nhưng không từ bỏ được ma túy. Ngoài ra qua xác minh tại nơi cư trú của chị L và anh H cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, quan hệ vợ chồng trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy, chị L yêu cầu

được ly hôn anh H là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị L và anh H có hai con chung là Mai Thị Minh A, sinh ngày 06/5/200A và Mai Phú V, sinh ngày 23/02/201B. Hiện cả hai cháu đều đang sống với mẹ, cháu Minh A có đơn trình bày nguyện vọng thì tiếp tục được sống với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng anh H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do vậy khi ly hôn cần giao cả hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không có yêu cầu nên HĐXX không xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Đàm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Thị L được ly hôn anh Mai Trọng H.

- Về nuôi con chung: Giao cả hai con chung là Mai Thị Minh A, sinh ngày 06/5/200A và Mai Phú V, sinh ngày 23/02/201B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Đàm Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị L đã nộp đủ số tiền án phí là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012604 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Lê Chân.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.Lê Chân;
- UBND p. V.M, Q.NQ, HP;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Thùy Linh